THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2012/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp,

Điều 1. Chuyển Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để quản lý tập trung, thống nhất, có hiệu quả các nguồn thu từ phần vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp, bao gồm cả các nguồn thu từ quá trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Các trường hợp đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương để bổ sung vốn điều lệ, tái cơ cấu tài chính, bổ sung vốn nhằm duy trì hoặc tăng tỷ lệ vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tổ chức giữ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thực hiện thu, chi theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền; định kỳ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Bộ Tài chính tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (trong một số trường hợp được gọi tắt là Quỹ).

2. Các doanh nghiệp có nguồn thu phải nộp về Quỹ hoặc được hỗ trợ từ Quỹ theo quy định tại Quy chế này.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng Quỹ quy định tại Quy chế nay.

Phần II
NGUỒN THU CỦA QUỸ

Điều 3. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

2. Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

3. Các khoản thu sau cổ phần hóa bao gồm:

a) Tiền bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo sự phân công, phân cấp của Thủ tướng Chính phủ (sau khi trừ các chi phí liên quan theo quy định);

b) Các khoản tiền thu hồi giá trị cổ phần Nhà nước cấp cho người lao động để hưởng cổ tức (nếu số cổ phần này chưa bàn giao cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước); cổ phần bán trả chậm cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp độc lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cổ phần hóa theo các chính sách về cổ phần hóa trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ;

c) Khoản tiền người lao động dôi dư đã nhận trợ cấp từ Quỹ hoàn trả lại khi được tái tuyển dụng theo quy định của pháp luật.

4. Khoản lợi nhuận được chia, cổ tức của phần vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp đã thực hiện chuyển đổi do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

5. Thu từ lợi nhuận sau thuế và khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt; điều hòa Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Khoản lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại.

7. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn nộp tiền về Quỹ

1. Đối với các khoản thu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Quy chế này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu.

Cơ quan quyết định chuyển đổi sở hữu, người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước hoặc cơ quan đại diện (đối với trường hợp không cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các khoản thu còn lại, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền; hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện phân chia cổ tức, lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên đối với các khoản thu theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế này; hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các khoản thu theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Quy chế này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tiền thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước hoặc cơ quan đại diện (đối với trường hợp không cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

3. Áp dụng các quy định dưới đây đối với trường hợp doanh nghiệp nộp các khoản thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp sau thời hạn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp chậm nộp trong vòng 03 tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất cho số tiền và thời gian chậm nộp. Sau thời hạn 03 tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền vay quá hạn cho số tiền chậm nộp của thời gian quá hạn sau 03 tháng;

b) Trường hợp sau thời hạn nộp tiền 04 tháng mà doanh nghiệp vẫn chưa nộp tiền về Quỹ thì ngoài việc phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này doanh nghiệp sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Phần VII Quy chế này.

4. Các khoản phạt chậm nộp quy định tại Khoản 3 Điều này doanh nghiệp không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp chỉ được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp sau khi trừ đi các khoản bồi thường, xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp (nếu có).

Phần III
CÁC NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ

Điều 5. Các nội dung chi của Quỹ

1. Hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ kinh phí cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật.

3. Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và cơ quan được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

5. Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Phần IV
QUẢN LÝ CHI CỦA QUỸ

Mục 1
CHI HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 6. Đối tượng được hỗ trợ

1. Người lao động bị mất việc hoặc thôi việc, kể cả trường hợp người lao động tự nguyện thôi việc theo quy định của Bộ luật Lao động (sau đây gọi tắt là người lao động dôi dư) tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ, các nông, lâm trường quốc doanh thực hiện các hình thức sắp xếp, chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động dôi dư (có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định cổ phần hóa) phát sinh từ năm thứ 02 đến năm thứ 05 tại các công ty cổ phần được chuyển đổi theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Nghị định số 187/2004/NĐ-CP) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày 01 tháng 8 năm 2007, ngày Nghị định số 109/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có hiệu lực thi hành.

3. Các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên ở công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, các nông, lâm trường quốc doanh thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo quy định của pháp luật về chính sách đối với lao động dôi dư.

Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí của Quỹ

1. Khi thực hiện cổ phần hóa, bán doanh nghiệp, doanh nghiệp phải dùng toàn bộ tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp (sau khi trừ chi phí cổ phần hóa, chi phí bán doanh nghiệp) và Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích đủ theo quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư theo phương án sắp xếp lao động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần kinh phí còn thiếu được Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này.

2. Khi thực hiện giao, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, sáp nhập, hợp nhất, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu; doanh nghiệp và nông, lâm trường quốc doanh thực hiện sắp xếp lại phải sử dụng toàn bộ nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích đủ theo quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư theo phương án sắp xếp lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần kinh phí còn thiếu sẽ được Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này.

3. Việc hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách lao động của công ty cổ phần chuyển đổi theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP được thực hiện mỗi năm một lần và theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP.

4. Khi thực hiện giải thể, phá sản các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, nguồn kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư được Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ sau khi trừ khi các khoản thu (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí cho lao động dôi dư

Hồ sơ đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ giải quyết chế độ cho lao động dôi dư bao gồm:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của doanh nghiệp có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền. Đơn đề nghị phải ghi rõ: tên đơn vị đề nghị hỗ trợ, số tài khoản và ngân hàng nơi đơn vị giao dịch, tổng số kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, tổng số nguồn kinh phí tại doanh nghiệp được sử dụng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, tổng số kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ.

2. Phương án sắp xếp lại lao động, đào tạo lại (kèm theo danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, danh sách người lao động được hưởng trợ cấp và được đào tạo lại) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Dự toán kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Dự toán kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Dự toán kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư thuộc các chức danh theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Báo cáo cụ thể về nguồn kinh phí tại doanh nghiệp để giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư, bao gồm:

a) Báo cáo về nguồn tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp để giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư, kèm theo báo cáo quyết toán chi phí cổ

phần hóa, bán doanh nghiệp; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền xác nhận;

b) Báo cáo về việc trích lập và sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp trong 3 năm kể từ thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp trở về trước.

5. Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi sở hữu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Báo cáo quyết toán tài chính 03 năm liên tục đến thời điểm có quyết định sắp xếp lại doanh nghiệp.

7. Riêng trường hợp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện giải thể, phá sản, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của doanh nghiệp có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đơn đề nghị phải ghi rõ tên đơn vị đề nghị hỗ trợ, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao tiếp nhận kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư, số tài khoản và ngân hàng nơi đơn vị giao dịch, tổng số kinh phí đề nghị hỗ trợ;

b) Quyết định mở thủ tục phá sản của tòa án; quyết định giải thể doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền;

c) Dự toán kinh phí để giải quyết lao động dôi dư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Báo cáo về nguồn thu từ giải thể, phá sản doanh nghiệp được dùng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và phần kinh phí còn thiếu đề nghị Quỹ hỗ trợ.

8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách, chế độ lao động cho người lao động bị mất việc hoặc thôi việc, kể cả trường hợp người lao động tự nguyện thôi việc theo quy định của Bộ Luật lao động của công ty cổ phần được chuyển đổi theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP phát sinh từ năm thứ 02 đến năm thứ 05 sau khi chuyển thành công ty cổ phần, bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của doanh nghiệp. Đơn đề nghị phải ghi rõ: tên đơn vị đề nghị hỗ trợ, số tài khoản và ngân hàng nơi đơn vị giao dịch, tổng số kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, tổng số nguồn kinh phí tại doanh nghiệp được sử dụng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, tổng số kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ;

b) Bản sao Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định cổ phần hóa;

d) Phương án sắp xếp lao động được Hội đồng quản trị phê duyệt;

đ) Dự toán kinh phí;

e) Báo cáo quyết toán tài chính của năm liền kề năm thực hiện sắp xếp lại lao động.

Điều 9. Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Quy chế này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trước khi gửi hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp phải niêm yết công khai danh sách lao động dôi dư và dự toán kinh phí chi trả chế độ đối với người lao động dôi dư được xác định theo quy định trong thời gian 05 ngày làm việc để người lao động kiểm tra đối chiếu.

3. Thời hạn gửi hồ sơ về Bộ Tài chính để thẩm định và ra quyết định xuất quỹ như sau:

a) Không quá 90 ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi đối với các doanh nghiệp thực hiện các hình thức giao, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, giải thể, phá sản, sáp nhập, hợp nhất, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu;

b) Không quá 60 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, bán có tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp không đủ giải quyết kinh phí lao động dôi dư;

c) Không quá 45 ngày, kể từ ngày Hội đồng quản trị phê duyệt phương án sắp xếp lại lao động trong công ty cổ phần được hình thành do cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP;

d) Các hồ sơ gửi sau thời hạn nêu tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều này nếu không có lý do bất khả kháng thì không được xem xét, xử lý. Trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trường hợp khi chưa được cấp kinh phí nhưng công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi, đã đăng ký kinh doanh theo pháp nhân mới thì công ty (pháp nhân mới) có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về tên và số hiệu tài khoản mới của công ty đến Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định ra quyết định xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp theo phương án được duyệt. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo các yêu cầu theo quy định hoặc có sai sót về số liệu tính toán, sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết để hoàn chỉnh.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được quyết định xuất Quỹ của Bộ Tài chính (kèm theo bản sao Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của doanh nghiệp), Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm thực hiện cấp kinh phí cho doanh nghiệp.

Điều 10. Tổ chức chi trả

Sau khi nhận được kinh phí từ Quỹ, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai tại công ty mức kinh phí được hưởng của từng người lao động trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc.

2. Hoàn tất việc chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp nhận được kinh phí.

3. Việc chi trả phải đúng đối tượng, đúng số tiền và theo danh sách đã được phê duyệt. Khi chi trả doanh nghiệp phải lập bảng kê người lao động nhận trợ cấp theo mẫu số 01 tại Phụ lục Quy chế này. Người lao động, người đại diện được ủy quyền hoặc người quản lý di sản theo quy định của Bộ luật Dân sự ký nhận tiền trợ cấp vào phiếu chi và bảng kê.

Điều 11. Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Công ty mẹ tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con

1. Trường hợp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Công ty mẹ tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để hỗ trợ các doanh nghiệp trực thuộc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư thì Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ lập hồ sơ gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều hòa kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí gồm:

a) Văn bản đề nghị của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ;

b) Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ;

c) Dự toán kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư ở các doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc theo quy định của pháp luật;

d) Ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với việc quản lý, sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các đơn vị này và tình hình thực hiện sắp xếp các doanh nghiệp thuộc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Báo cáo quyết toán kinh phí

1. Đối với khoản kinh phí cấp cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, các Công ty mẹ tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con:

a) Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, doanh nghiệp có trách nhiệm chi trả và lập báo cáo quyết toán kinh phí gửi cơ quan phê duyệt phương án sắp xếp lao động để phê duyệt hồ sơ, bao gồm:

- Bảng kê người lao động nhận trợ cấp (mẫu số 01 tại Phụ lục Quy chế này);

- Báo cáo sử dụng kinh phí cấp từ Quỹ (mẫu số 02 tại Phụ lục Quy chế này);

- Báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp lao động theo quy định.

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, doanh nghiệp phải nộp báo cáo quyết toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (bản chính) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo quyết toán;

c) Nguồn kinh phí sau khi chi trả cho người lao động còn thừa (nếu có), doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp cùng với việc lập và gửi báo cáo quyết toán kinh phí nêu trên.

2. Đối với khoản kinh phí cấp cho cơ quan bảo hiểm xã hội: trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, cơ quan bảo hiểm xã hội phải lập báo cáo sử dụng kinh phí (mẫu số 03 tại Phụ lục Quy chế này) gửi về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

3. Sau thời hạn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, nếu đơn vị tiếp nhận kinh phí chưa kịp thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ về Quỹ thì phải có văn bản giải trình lý do và có trách nhiệm hoàn tất báo cáo gửi về Quỹ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày phải nộp báo cáo theo quy định.

Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được báo cáo thì Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính để thực hiện cưỡng chế thu hồi lại khoản kinh phí đã hỗ trợ.

Mục 2
CẤP KINH PHÍ CHO CÁC CƠ SỞ DẠY NGHỀ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU

Điều 13. Đối tượng thụ hưởng

Các cơ sở dạy nghề nằm trong danh sách thông báo của cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện hỗ trợ đào tạo người lao động dôi dư tại các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo chế độ quy định.

Điều 14. Lập và thẩm định hồ sơ cấp kinh phí

1. Sau khi hoàn tất đào tạo nghề cho người lao động dôi dư, các cơ sở đào tạo nghề cho người lao động dôi dư lập và gửi đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo, không bao gồm những đối tượng đào tạo được hưởng kinh phí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (mẫu số 04 tại Phụ lục Quy chế này), kèm theo các phiếu học nghề miễn phí (bản gốc) và bản sao các quyết định nghỉ việc của người lao động dôi dư học nghề tại cơ sở đào tạo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính nơi cơ sở dạy nghề đóng trụ sở để thẩm định và

có ý kiến.

Cơ sở đào tạo nghề chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác trong đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm giám sát, thẩm định về số lao động dôi dư thực tế đào tạo tại cơ sở dạy nghề, thời gian đào tạo nghề (tối đa không quá 06 tháng).

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định về mức chi đào tạo thực tế phát sinh và mức kinh phí đào tạo đề nghị Quỹ hỗ trợ thanh toán.

Điều 15. Thủ tục xuất Quỹ

1. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí của các cơ sở đào tạo nghề được gửi về Bộ Tài chính để thẩm định và ra quyết định xuất quỹ.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ sở dạy nghề gửi, Bộ Tài chính ra quyết định xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho đơn vị thụ hưởng; đồng thời gửi quyết định cho các đơn vị liên quan như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính nơi cơ sở dạy nghề đóng trụ sở; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước để theo dõi, giám sát.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ sở dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính biết để hoàn chỉnh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được quyết định xuất Quỹ của Bộ Tài chính (kèm theo bản sao Đơn đề nghị thanh toán kinh phí của cơ sở đào tạo), Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm thực hiện cấp kinh phí cho doanh nghiệp.

Mục 3

BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC CÔNG TY MẸ CỦA TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 16. Phạm vi, đối tượng

Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước tiếp tục sở hữu 100% vốn điều lệ nhưng chưa được nhà nước đầu tư đủ vốn điều lệ thì được bổ sung một phần vốn điều lệ còn thiếu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Trình tự, thủ tục bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

1. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô phát triển kinh doanh, các Công ty mẹ của

các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước xây dựng phương án bổ sung vốn điều lệ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và gửi về Bộ Tài chính để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt bổ sung vốn điều lệ của các đơn vị nêu trên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước và khả năng tự cân đối từ các nguồn hiện có tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Bộ Tài chính thẩm định và ra quyết định xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để cấp bổ sung vốn điều lệ (phần còn thiếu) cho các Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được quyết định xuất Quỹ của Bộ Tài chính, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm thực hiện cấp kinh phí cho doanh nghiệp.

Mục 4
ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 18. Đối tượng áp dụng

Các dự án quan trọng và các doanh nghiệp thuộc diện nhà nước tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn góp theo phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 19. Xác định nhu cầu đầu tư vốn

1. Đối với các dự án quan trọng cần có sự hỗ trợ, đầu tư vốn từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, căn cứ phương án đầu tư, kế hoạch nguồn vốn, kế hoạch triển khai dự án, các chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các doanh nghiệp đang có vốn nhà nước tham gia có phương án huy động vốn tăng vốn điều lệ cần sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đầu tư bổ sung vốn góp để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn góp thì cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp phối hợp cùng Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 20. Kế hoạch nguồn vốn

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch về đầu tư các dự án quan trọng, kế hoạch đầu tư để duy trì hoặc tăng tỷ lệ vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan:

1. Rà soát kế hoạch triển khai và khả năng cân đối nguồn vốn của Quỹ và các

dự án trong từng giai đoạn.

2. Tổng hợp và xây dựng kế hoạch nguồn vốn đầu tư từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp báo cáo Bộ Tài chính để thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 21. Thực hiện đầu tư vốn

Căn cứ vào nhiệm vụ đầu tư và kế hoạch nguồn vốn đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Bộ Tài chính.

1. Thẩm định và quyết định thực hiện đầu tư vốn theo tiến độ triển khai của các dự án thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hoặc các ngân hàng thương mại.

2. Thẩm định và quyết định xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp để góp vốn bổ sung.

Điều 22. Kiểm tra, giám sát vốn đầu tư

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư và tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng; đôn đốc và phối hợp tham gia thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư; kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Phần V
ĐIỀU HÒA QUỸ

Điều 23. Nguyên tắc điều hòa

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều hòa nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bảo đảm mục tiêu đầu tư các dự án quan trọng, đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc diện nhà nước cần góp vốn hoặc bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chưa được nhà nước cấp đủ vốn.

2. Việc điều hòa Quỹ phải bảo đảm:

a) Không gây ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp tại Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

b) Phù hợp với tiến độ triển khai của các dự án quan trọng hoặc kế hoạch bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 24. Trình tự, thủ tục

1. Bộ Tài chính căn cứ vào báo cáo số dư Quỹ hàng năm và nhu cầu sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con; kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kế hoạch đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc diện nhà nước cần vốn góp và kế hoạch bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tiền từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2. Căn cứ vào quyết định điều hòa quỹ của Thủ tướng Chính phủ, trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Hội đồng thành viên, Ban quản lý điều hành tại Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con có trách nhiệm chuyển tiền từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

3. Sau thời hạn quy định nêu tại Khoản 2 Điều này, nếu phát sinh số tiền chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

Trường hợp sau thời hạn nộp tiền 04 tháng mà doanh nghiệp vẫn chưa nộp tiền về Quỹ thì ngoài việc phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này, doanh nghiệp sẽ bị cưỡng chế theo quy định tại Phần VII Quy chế này.

4. Các khoản phạt chậm nộp quy định tại Khoản 3 Điều này, doanh nghiệp không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp chỉ được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp sau khi trừ đi các khoản bồi thường, xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên và các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp (nếu có).

Phần VI
KẾ TOÁN QUỸ VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Điều 25. Kế toán quỹ

1. Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm mở sổ kế toán, hạch toán rõ ràng, đầy đủ các khoản thu, chi phát sinh; tổ chức việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật.

2. Số dư Quỹ được thành lập theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục theo dõi và chuyển tiếp để quản lý và sử dụng theo quy định tại Quy chế này.

Điều 26. Báo cáo Quỹ

1. Định kỳ, trong phạm vi 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng công ty Đầu

tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2. Trong phạm vi 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước phải gửi báo cáo quyết toán Quỹ về Bộ Tài chính. Báo cáo quyết toán Quỹ phải phản ánh đầy đủ, trung thực số liệu tại thời điểm lập báo cáo; tình hình thu, chi và những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý Quỹ kèm theo xác nhận số dư Quỹ của Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản.

Điều 27. Lưu hồ sơ chứng từ

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán có liên quan trực tiếp đến hoạt động thu chi của Quỹ theo quy định hiện hành về kế toán để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan liên quan.

Phần VII
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Phạm vi, đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi

Các tổ chức kinh tế (bao gồm cả các công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con) không chấp hành nộp các khoản tiền về Quỹ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 4 và Khoản 3 Điều 24 Quy chế này thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi nộp về Quỹ.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế

Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người được ủy quyền được quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành việc trích tiền từ tài khoản tiền gửi nộp về Quỹ.

Điều 30. Trình tự ban hành quyết định cưỡng chế

1. Hàng tháng, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm tổng hợp báo cáo bằng văn bản gửi về Bộ Tài chính danh sách doanh nghiệp chậm nộp, số tiền chậm nộp, lãi phạt chậm nộp và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch.

Văn bản báo cáo Bộ Tài chính đồng thời gửi cho cơ quan quyết định chuyển đổi sở hữu, người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước hoặc cơ quan đại diện (đối với trường hợp không cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) và doanh nghiệp chưa nộp tiền biết để đôn đốc, phối hợp.

2. Căn cứ vào báo cáo của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về số tiền và danh sách doanh nghiệp thuộc đối tượng phải thực hiện cưỡng chế, trong vòng 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế có văn bản đề nghị các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở

tài khoản giao dịch phong tỏa tài khoản và cung cấp các thông tin về số tiền hiện có trong tài khoản của doanh nghiệp bị cưỡng chế.

3. Căn cứ thông báo bằng văn bản của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp bị cưỡng chế để chuyển về Quỹ. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi được gửi cho doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

Điều 31. Nội dung quyết định cưỡng chế

Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; tên, số tài khoản của doanh nghiệp bị khấu trừ; tên, địa chỉ ngân hàng, tổ chức tín dụng khác nơi doanh nghiệp bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ mở tài khoản; tên, địa chỉ, số tài khoản của Quỹ; thời hạn thi hành.

Điều 32. Hiệu lực của quyết định cưỡng chế

Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định cho đến khi doanh nghiệp bị cưỡng chế hoàn tất việc chuyển đầy đủ số tiền bị cưỡng chế về Quỹ hoặc khi có Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp cưỡng chế của cấp có thẩm quyền. Căn cứ để chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế là chứng từ nộp đủ số tiền phải nộp, tiền phạt chậm nộp vào Quỹ của doanh nghiệp có xác nhận của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế.

Phần VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Bộ Tài chính:

a) Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

b) Tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định xuất quỹ để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ đào tạo lại) khi thực hiện sắp xếp các doanh nghiệp thuộc phạm vi, đối tượng hỗ trợ của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

c) Thẩm định, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và ban hành quyết định xuất quỹ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện việc điều hòa, bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, doanh nghiệp 100% vốn

nhà nước; đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang góp tại các doanh nghiệp khác; đầu tư vào các dự án, các công trình quan trọng từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

d) Tiếp nhận, yêu cầu xác minh, ra quyết định và tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với các tổ chức vi phạm việc báo cáo và nộp tiền về Quỹ theo quy định tại Quy chế này.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước triển khai thực hiện các chính sách đối với người lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:

a) Thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu của hồ sơ đề nghị hỗ trợ lao động dôi dư; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đối với lao động dôi dư tại các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu theo đúng quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí lao động dôi dư, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp để phê duyệt và gửi về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đúng thời hạn quy định;

c) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước; công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, nộp đầy đủ, kịp thời tiền thu từ hoạt động sắp xếp, chuyển đổi sở hữu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều hòa, bổ sung vốn điều lệ cho các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang góp tại các doanh nghiệp khác; đầu tư vào các dự án, các công trình quan trọng từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tổ chức thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi nộp về Quỹ theo quy định tại Phần VII Quy chế này.

4. Các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu:

a) Thực hiện quyết toán các khoản thu, chi để xác định số phải nộp về Quỹ theo đúng quy định;

b) Nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thu (kể cả lãi chậm nộp nếu có) về Quỹ

trong thời gian quy định;

c) Chấp hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi nộp về Quỹ của cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Các doanh nghiệp được cấp kinh phí:

a) Các doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu khi xác định chế độ chi trả cho người lao động theo quy định hiện hành; có trách nhiệm trích lập và sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định, quyết toán đầy đủ nguồn thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp (đối với trường hợp thực hiện hình thức cổ phần hóa, bán doanh nghiệp) để chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư tại thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp; thực hiện chi trả kinh phí cho người lao động dôi dư, lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí; lưu trữ sổ sách chứng từ đầy đủ theo quy định tại Quy chế này; chịu sự kiểm tra giám sát của Bộ Tài chính và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

b) Các doanh nghiệp được cấp kinh phí bổ sung vốn điều lệ, đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang góp tại các doanh nghiệp khác, đầu tư vào các dự án, các công trình quan trọng từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

6. Người lao động dôi dư được tái tuyển dụng và đơn vị tái tuyển dụng:

Người lao động dôi dư đã nhận trợ cấp từ Quỹ nếu được tái tuyển dụng lại thì phải nộp trả Quỹ toàn bộ hoặc một phần số tiền trợ cấp đã nhận theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP. Đơn vị tuyển dụng lao động có trách nhiệm thu hồi số tiền trợ cấp mà người lao động hoàn trả và nộp về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ngay sau khi ký hợp đồng lao động; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước biết để thu hồi.

Đơn vị tuyển dụng và người lao động được tái tuyển dụng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm trái quy định tại Điều này.

7. Các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước:

a) Mở tài khoản theo dõi riêng về các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp. Tổ chức quản lý, sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp theo nội dung Quy chế do Bộ Tài chính ban hành;

b) Thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu của hồ sơ đề nghị hỗ trợ lao động dôi dư; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đối với lao động dôi dư tại các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu theo đúng

quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí lao động dôi dư và quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa (kể cả các doanh nghiệp đủ nguồn không đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ) đúng thời hạn quy định;

d) Tổng hợp, báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp theo nội dung Quy chế do Bộ Tài chính ban hành và yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước khác để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

đ) Chấp hành quyết định điều hòa Quỹ của cấp có thẩm quyền theo quy định;

e) Sử dụng nguồn tăng vốn điều lệ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế:

a) Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản có trách nhiệm: phong tỏa tài khoản và cung cấp các thông tin cần thiết về số liệu tài khoản, số dư tiền gửi của doanh nghiệp bị cưỡng chế mở tại đơn vị mình trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;

b) Tiến hành chuyển số tiền của doanh nghiệp bị cưỡng chế vào tài khoản của Quỹ ghi trong quyết định cưỡng chế trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế; đồng thời thông báo cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế và doanh nghiệp bị cưỡng chế biết;

c) Trong thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế, nếu trong tài khoản của doanh nghiệp bị cưỡng chế còn số dư mà không thực hiện trích nộp vào Quỹ theo quyết định cưỡng chế thì Ban lãnh đạo của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 34. Trách nhiệm của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

1. Tổ chức bộ máy để quản lý và sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

2. Kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện sắp xếp (thuộc phạm vi được Quỹ hỗ trợ) giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở đào tạo nghề cho người lao động dôi dư theo quyết định của Bộ Tài chính.

4. Theo dõi, đôn đốc việc quyết toán kinh phí giải quyết chế độ lao động dôi dư tại các đơn vị được Quỹ hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát, điều hòa Quỹ của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính; định kỳ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính danh sách doanh nghiệp chậm nộp, số tiền chậm nộp, lãi phạt chậm nộp và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch để làm cơ sở ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi nộp về Quỹ theo quy định. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế của cấp có thẩm quyền theo quy định.

7. Trong thời hạn lập kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, tổng hợp, xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

Ban hành kèm theo Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

Mẫu số 01	Bảng kê người lao động đã nhận trợ cấp
Mẫu số 02	Báo cáo sử dụng kinh phí được cấp từ quỹ
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả sử dụng kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp
Mẫu số 04	Đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo

Mẫu số 01

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên Công ty:

BẢNG KÊ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÃ NHẬN TRỢ CẤP

Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Tháng năm sinh		Đối tượng 03 chức danh nghỉ hưu trước tuổi	Đối tượng 03 chức danh bị thôi việc	Lao động nghỉ hưu trước tuổi	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	Lao động hợp đồng đủ 12 đến 36 tháng bị mất việc	Lao động nông lâm trường	Tổng số tiền trợ cấp đã nhận	Đã nhận phiếu học nghề miễn phí	Ký tên
		Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng											

Ghi chú: Cột 5, 6, 7, 8, 9, 10: Người lao động thuộc đối tượng cột nào thì đánh dấu x vào cột đó.
Cột 10: Đối tượng lao động của nông lâm trường chấm dứt quan hệ lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động

...., ngày.... tháng.... năm....
THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

...., ngày.... tháng.... năm....
Ý KIẾN CỦA TỔNG CÔNG TY
(Đối với đơn vị thuộc tổng công ty)

...., ngày.... tháng.... năm....
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên Công ty:

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP TỪ QUỸ

Từ ngày.... tháng.... năm... đến ngày.... tháng.... năm....

TT	Nội dung hỗ trợ từ Quỹ	Số lao động nhận trợ cấp (người)	Kinh phí đã nhận từ Quỹ (đồng)	Thực tế chi trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Lý do
1	**Phần kinh phí thuộc trách nhiệm của Quỹ**					
1.1	Kinh phí để chi trả cho người lao động nghỉ hưu trước tuổi: Trong đó đối tượng nghỉ theo Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007					
1.2	Kinh phí để chi trả cho người lao động thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn bị mất việc: Trong đó đối tượng nghỉ theo Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007					
1.3	Kinh phí để chi trả trợ cấp cho người lao động thực hiện hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 bị mất việc					

TT	Nội dung hỗ trợ từ Quỹ	Số lao động nhận trợ cấp (người)	Kinh phí đã nhận từ Quỹ (đồng)	Thực tế chi trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Lý do
2	Hỗ trợ kinh phí còn thiếu thuộc trách nhiệm chi trả trợ cấp của công ty Bao gồm cả kinh phí hỗ trợ người lao động của nông lâm trường chấm dứt quan hệ lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động (nếu có)					
	Tổng cộng					

...., ngày.... tháng.... năm....
THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

...., ngày.... tháng.... năm....
Ý KIẾN CỦA TỔNG CÔNG TY
(Đối với đơn vị thuộc tổng công ty)

...., ngày.... tháng.... năm....
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

Tên cơ quan BHXH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm....*

BÁO CÁO
Sử dụng kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.... thông báo kết quả sử dụng kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để giải quyết chế độ cho người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa là 06 tháng như sau:

1. Số kinh phí đã nhận từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp:
..... đồng.

2. Thời điểm nhận tiền: Ngày.... tháng..... năm....

3. Theo Quyết định số..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Đã sử dụng để giải quyết chế độ cho..... người lao động dôi dư theo đúng danh sách người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa là 06 tháng trong hồ sơ của doanh nghiệp (danh sách kèm theo).

5. Các giải trình khác (nếu có).

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI
TỈNH/THÀNH PHỐ.....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

Tên cơ sở dạy nghề
Số tài khoản:
Ngân hàng:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Kính gửi: Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Cơ sở dạy nghề..... đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thanh toán kinh phí đào tạo lại nghề miễn phí cho người lao động dôi dư tại các công ty sắp xếp lại theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể như sau:

STT	Họ tên học viên	Công ty	Nghề đào tạo lại	Thời gian đào tạo	Giá đào tạo/1 tháng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7
1						
...						
	Tổng cộng					

Hướng dẫn: Cột 7 = cột 5 x cột 6

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ DẠY NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH